

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: **Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Đắk Lắk**

**SỞ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ ĐẮK LẮK**

**ĐẾN** Số: 15104.....  
Ngày: 11/10/21..  
Chuyển: .....  
Lưu hồ sơ số: ..

**TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ ĐẮK LẮK**

**ĐẾN** Số: 663.....  
Ngày: 11/10/21..  
Chuyển: .....  
Lưu hồ sơ số: ..

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **CÔNG TY TNHH THÀNH HỮU NGHỊ SÀI GÒN**

Giấy phép kinh doanh số 6001708004 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/12/2020.

Địa chỉ trụ sở: số 66 Phạm Văn Đồng, thị trấn Ea Drăng, huyện Ea Hlêo, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0907794977

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của công ty:**

Họ tên: NGUYỄN MINH CHIÊU Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 12/12/1971

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân: 300888441

Ngày cấp: 28/02/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Long An

Địa chỉ thường trú: Ấp Đức Ngãi 1, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện tại: Ấp Đức Ngãi 1, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:**

1.1. Tên dự án: **TRỒNG RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NÔNG KẾT HỢP**





1.2. Địa điểm thực hiện dự án: tại khoảnh 4, 4a, 5, 5a, 6, 6a, 7a, 8 tiểu khu 235 xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

## 2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Chăn nuôi bò	0145	0145
2	Trồng rừng sản xuất, quản lý bảo vệ rừng	0210	

- Trồng rừng trên diện tích đất quy hoạch trồng rừng, kết hợp chăn nuôi bò theo mô hình lâm nông kết hợp.

- Xây dựng mô hình chăn nuôi bò, đề đúc rút kinh nghiệm xây dựng thành nghề sản xuất mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành chăn nuôi, đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính. Từ kết quả mô hình, mở rộng sản xuất, tăng nhanh quy mô đàn bò và cung ứng giống cho nông dân.

- Trồng rừng, trồng cây dược liệu, cây ăn trái, chăn nuôi theo phương thức lâm nông kết hợp. Quản lý bảo vệ diện tích rừng hiện có không để bị xâm hại. Trước mắt áp dụng biện pháp làm giàu rừng tự nhiên, khi dự án ổn định sẽ đầu tư các giải pháp lâm sinh về phát triển rừng.

- Sử dụng hiệu quả diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng với mục tiêu kinh tế cao nhất. Khai thác tiềm năng đất đai. Tăng độ che phủ, hạn chế xói mòn, cải tạo môi trường sinh thái trong khu vực.

- Sản xuất kinh doanh theo mô hình lâm nông kết hợp nhằm đa dạng hóa các loại cây trồng trên các điều kiện lập địa, áp dụng mô hình chăn nuôi với ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ cao, sản xuất thúc đẩy phát triển kinh tế, chủ động tạo ra nguồn sản phẩm dồi dào cho xã hội. Góp phần giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương nhất là các hộ gia đình người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Góp phần thực hiện mục tiêu chung của tỉnh Đắk Lắk trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Bảo vệ môi trường, phủ xanh đất trống, đồi trọc, cải tạo đất, điều tiết nguồn nước trong khu vực, chăm sóc bảo vệ và phát triển rừng.

## 3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):



### 3.1. Tổng diện tích đất: 202,69 ha.

Ngày 12/4/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở ngành, UBND huyện Ea Súp, Hạt Kiểm lâm Ea Súp và UBND xã Ea Bung tiến hành phúc tra thực tế tại hiện trường kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp các khoảnh 4, 4a, 5, 5a, 6, 6a, 7a, 8 tiểu khu 235 xã Ea Bung huyện Ea Súp quản lý, khu vực đề xuất thực hiện dự án lâm nông kết hợp của Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn do Công ty CP Xây dựng và Thực phẩm Đắc Lắc thực hiện (có Biên bản phúc tra ngày 12/4/2021; báo cáo kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp kèm theo):

- Địa điểm: khoảnh 4, 4a, 5, 5a, 6, 6a, 7a, 8 tiểu khu 235 xã Ea Bung .
- Hiện trạng rừng và đất đai được tổng hợp tại biểu dưới đây:

Số TT	Loại đất, loại rừng	Ký hiệu	Kết quả điều tra năm 2021 (ha)	Diện tích 2020 (ha)	Chênh lệch (ha)
	<b>Tổng diện tích điều tra</b>		<b>202,69</b>	<b>202,69</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>Đất có rừng</b>		<b>190,07</b>	<b>186,03</b>	<b>4,04</b>
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá trung bình	rlb	4,67	3,07	1,60
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo kiệt	rlk	57,33	120,34	(63,01)
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo	rln	128,07	62,62	65,45
<b>II</b>	<b>Đất chưa có rừng</b>		<b>12,62</b>	<b>16,66</b>	<b>(4,04)</b>
-	Diện tích khác	dt1	1,33	16,66	(15,33)
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh	dt2	11,29		11,29

3.2. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Các loại gỗ, cây ăn trái, thịt bò cung cấp cho người dân trong khu vực và các địa bàn lân cận có nhu cầu.

### 3.3. Quy mô dự án:

- Đối với diện tích đất có rừng: 190,07 ha, tổ chức khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng; trồng cây dược liệu dưới tán rừng, chăm sóc phát triển rừng.



- Đối với diện tích đất chưa có rừng và đất khác: 12,62 ha, diện tích đất này sẽ bố trí trồng rừng và diện tích đất quy hoạch cho trồng rừng nông lâm kết hợp, cụ thể như sau:

- + Trang trại bò: 02 ha.
- + Trạm xăng dầu nội bộ, làm kho nguyên vật liệu nội bộ: 02 ha.
- + Nhà máy chế biến nông sản: 01 ha.
- + Đường giao thông nội bộ, Nhà điều hành và các công trình khác: 1,69ha.
- + Trồng rừng: 5,93ha.

#### **4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:**

4.1. Tổng vốn đầu tư: **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng) trong đó:

a) Vốn cố định: **140.000.000.000 đồng** (Một trăm bốn mươi tỷ đồng)

- Đầu tư trồng rừng, trồng cây ăn quả, chăm sóc bảo vệ rừng: 65.000.000.000 đồng

- Đầu tư trại bò: 70.000.000.000 đồng.

- Chi phí thiết bị: 5.000.000.000 đồng.

- Chi phí quản lý dự án, tư vấn, chi phí khác,...: 7.000.000.000 đồng

- Chi phí dự phòng: 3.000.000.000 đồng.

b) Vốn lưu động : 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn	45.000.000.000		30%		

b) Vốn vay từ các tổ chức tín dụng : 105.000.000.000 VND (tương đương 70% tổng vốn đầu tư dự án).

**5. Thời hạn hoạt động của dự án:** 50 năm, kể từ ngày được UBND tỉnh cho thuê đất.



**6. Tiến độ thực hiện dự án:** 36 tháng, kể từ ngày có Quyết định chấp thuận nhà đầu tư.

#### IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

## V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.
2. Các văn bản quy định tại các khoản 2 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có).
3. Các văn bản theo pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, kinh doanh bất động sản.
4. Các hồ sơ liên quan khác (nếu có).

Đất Lắc, ngày .8...tháng 10. năm 2021

## Nhà đầu tư



**CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Minh Châu*



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư*

*Ngày.... tháng .... năm 2021)*

**I. NHÀ ĐẦU TƯ / HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

Nhà đầu tư: **CÔNG TY TNHH THÀNH HỮU NGHỊ SÀI GÒN**

Giấy phép kinh doanh số 6001708004 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/12/2020.

Địa chỉ trụ sở: số 66 Phạm Văn Đồng, thị trấn Ea Đăng, huyện Ea Hlêo, tỉnh Đắk Lắk

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ:**

**1. Các nội dung về tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, mục tiêu, quy mô, vốn, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:**

**1.1. Tên dự án: TRỒNG RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NÔNG KẾT HỢP.**

**1.2. Địa điểm thực hiện dự án:** tại khoảnh 4, 4a, 5, 5a, 6, 6a, 7a, 8 tiểu khu 235 xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

**1.3. Mục tiêu dự án:**

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Chăn nuôi bò	0145	0145
2	Trồng rừng sản xuất, quản lý bảo vệ rừng	0210	

- Trồng rừng trên diện tích đất quy hoạch trồng rừng, kết hợp chăn nuôi bò theo mô hình lâm nông kết hợp.

- Xây dựng mô hình chăn nuôi bò, để đúc rút kinh nghiệm xây dựng thành nghề sản xuất mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành chăn nuôi, đưa chăn nuôi



thành ngành sản xuất chính. Từ kết quả mô hình, mở rộng sản xuất, tăng nhanh quy mô đàn bò và cung ứng giống cho nông dân.

- Trồng rừng, trồng cây dược liệu, cây ăn trái, chăn nuôi theo phương thức lâm nông kết hợp. Quản lý bảo vệ diện tích rừng hiện có không để bị xâm hại. Trước mắt áp dụng biện pháp làm giàu rừng tự nhiên, khi dự án ổn định sẽ đầu tư các giải pháp lâm sinh về phát triển rừng.

- Sử dụng hiệu quả diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng với mục tiêu kinh tế cao nhất. Khai thác tiềm năng đất đai. Tăng độ che phủ, hạn chế xói mòn, cải tạo môi trường sinh thái trong khu vực.

- Sản xuất kinh doanh theo mô hình lâm nông kết hợp nhằm đa dạng hóa các loại cây trồng trên các điều kiện lập địa, áp dụng mô hình chăn nuôi với ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ cao, sản xuất thúc đẩy phát triển kinh tế, chủ động tạo ra nguồn sản phẩm dồi dào cho xã hội. Góp phần giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương nhất là các hộ gia đình người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Góp phần thực hiện mục tiêu chung của tỉnh Đắk Lắk trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Bảo vệ môi trường, phủ xanh đất trống, đồi trọc, cải tạo đất, điều tiết nguồn nước trong khu vực, chăm sóc bảo vệ và phát triển rừng.

#### ***1.4. Quy mô dự án:***

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

a/ Tổng diện tích đất: 202,69 ha.

Ngày 12/4/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở ngành, UBND huyện Ea Súp, Hạt Kiểm lâm Ea Súp và UBND xã Ea Bung tiến hành phúc tra thực tế tại hiện trường kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp các khoảnh 4, 4a, 5, 5a, 6, 6a, 7a, 8 tiểu khu 235 xã Ea Bung huyện Ea Súp quản lý, khu vực đề xuất thực hiện dự án lâm nông kết hợp của Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn do Công ty CP Xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk thực hiện (có Biên bản phúc tra ngày 12/4/2021; báo cáo kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp kèm theo):

- Địa điểm: khoảnh 4, 4a, 5, 5a, 6, 6a, 7a, 8 tiểu khu 235 xã Ea Bung .
- Hiện trạng rừng và đất đai được tổng hợp tại biểu dưới đây:



Số TT	Loại đất, loại rừng	Ký hiệu	Kết quả điều tra năm 2021 (ha)	Diện tích 2020 (ha)	Chênh lệch (ha)
	<b>Tổng diện tích điều tra</b>		<b>202,69</b>	<b>202,69</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>Đất có rừng</b>		<b>190,07</b>	<b>186,03</b>	<b>4,04</b>
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá trung bình	rlb	4,67	3,07	1,60
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá nghèo kiệt	rlk	57,33	120,34	(63,01)
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá nghèo	rln	128,07	62,62	65,45
<b>II</b>	<b>Đất chưa có rừng</b>		<b>12,62</b>	<b>16,66</b>	<b>(4,04)</b>
-	Diện tích khác	dt1	1,33	16,66	(15,33)
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh	dt2	11,29		11,29

b/ Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Các loại gỗ, cây ăn trái, thịt bò cung cấp cho người dân trong khu vực và các địa bàn lân cận có nhu cầu.

c/ Quy mô dự án:

- Đối với diện tích đất có rừng: 190,07 ha, tổ chức khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng; trồng cây dược liệu dưới tán rừng, chăm sóc phát triển rừng.

- Đối với diện tích đất chưa có rừng và đất khác: 12,62 ha, diện tích đất này sẽ bố trí trồng rừng và diện tích đất quy hoạch cho trồng rừng nông lâm kết hợp, cụ thể như sau:

- + Trang trại bò: 02 ha.
- + Trạm xăng dầu nội bộ, làm kho nguyên vật liệu nội bộ: 02 ha.
- + Nhà máy chế biến nông sản: 01 ha.
- + Đường giao thông nội bộ, Nhà điều hành và các công trình khác: 1,69ha.
- + Trồng rừng: 5,93ha.

### ***1.5. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:***

a/ Tổng vốn đầu tư: **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng) trong đó:

\* Vốn cố định: **140.000.000.000 đồng** (Một trăm bốn mươi tỷ đồng)



- Đầu tư trồng rừng, trồng cây ăn quả, chăm sóc bảo vệ rừng: 65.000.000.000 đồng

- Đầu tư trại bò: 70.000.000.000 đồng.

- Chi phí thiết bị: 5.000.000.000 đồng.

- Chi phí quản lý dự án, tư vấn, chi phí khác,...: 7.000.000.000 đồng

- Chi phí dự phòng: 3.000.000.000 đồng.

\* Vốn lưu động : 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)

b/ Nguồn vốn đầu tư:

\* Vốn góp để thực hiện dự án:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn	45.000.000.000		30%		

\* Vốn vay từ các tổ chức tín dụng : 105.000.000.000 VND (tương đương 70% tổng vốn đầu tư dự án).

**1.6. Thời hạn hoạt động của dự án:** 50 năm, kể từ ngày được UBND tỉnh cho thuê đất.

**1.7. Tiến độ thực hiện dự án:** 36 tháng, kể từ ngày có Quyết định chấp thuận nhà đầu tư.

## **2. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất**

2.1. Địa điểm khu đất: khoảnh 4, 4a, 5, 5a, 6, 6a, 7a, 8 tiểu khu 235 xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

2.2. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất: 400ha.

2.3. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai:

Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn đáp ứng đầy đủ các điều kiện về giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật:

- Đáp ứng điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư “Vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không



thấp hơn 15% tổng mức đầu tư; có khả năng huy động vốn để thực hiện dự án từ các tổ chức tín dụng” - Quy định tại khoản 2, điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, cũng như quy định tại điểm a, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

- Đáp ứng điều kiện “Ký quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư” theo Quy định tại điểm b, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

- Đáp ứng điều kiện “Nhà đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai” theo quy định tại điểm c, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

Đến thời điểm đề xuất dự án đầu tư TRỒNG RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NÔNG KẾT HỢP tại xã Ia J’Lơi, huyện Ea Súp, Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn chưa vi phạm pháp luật các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

2.4. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai:

Sau khi được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt chủ trương đầu tư dự án TRỒNG RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NÔNG KẾT HỢP tại huyện Ea Súp, Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai.

Dự kiến thời gian thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất: Quý II/2022.

2.5. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

Công ty cam kết ứng kinh phí để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **3. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất**

- Hiện trạng đất: Đất rừng và đất khác.
- Nguồn gốc đất: do UBND xã Ea Bung quản lý.

### **4. Nhu cầu về lao động**

Theo cơ cấu tổ chức dự kiến khoảng: 37 người cụ thể như sau:

STT	Công việc đảm nhiệm	Số lượng	Trình độ
1	Ban lãnh đạo	2	
	Giám đốc	1	Cử nhân trở lên



	Phó giám đốc	1	<i>Cử nhân trở lên</i>
2	<b>Kế toán + văn phòng</b>	2	<b>Cử nhân</b>
3	<b>Kỹ thuật , giám sát</b>	3	<b>Kỹ sư</b>
4	<b>Công nhân trực tiếp</b>	30	Lao động phổ thông
	<b>Tổng cộng</b>	37	

Nguồn lao động: Ưu tiên sử dụng nguồn lao động là đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương.

**5. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:** Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ...)

- Dự án Trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp được thực hiện phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của chung cả nước cũng như quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của vùng Tây Nguyên, theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Nên việc tiêu thụ sản phẩm là rất thuận lợi.

- Dự án đầu tư Trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp không đòi hỏi nhiều lao động chuyên môn kỹ thuật cao, mà chủ yếu sử dụng lao động phổ thông là chính, do đó sẽ thu hút được lực lượng lao động nhân rỗi tại địa phương tham gia dự án.

- Với vị trí địa lý và điều kiện thuận lợi của tỉnh Đắk Lắk, hiện nay và trong mục tiêu phát triển chăn nuôi chung của cả nước, khu vực của Dự án sẽ được quy hoạch với tính chất là một trong những khu chăn nuôi có quy mô lớn nhất sẽ trở thành mắt xích quan trọng trong việc thực hiện chính sách của khu vực Tây Nguyên về việc phát triển ngành chăn nuôi có quy mô lớn

- Dự án được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động không chỉ đem lại những lợi ích kinh tế cho địa phương, cho nhà đầu tư; mà còn góp phần nâng cao thu nhập và tay nghề cho người dân tại địa phương. Mở rộng và cải tiến dây chuyền công nghệ sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

- Dự án góp phần sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, rừng nghèo kiệt, đặc biệt góp phần trong công tác cải tạo rừng nghèo kiệt bằng việc làm giàu rừng tự nhiên, trồng rừng sản xuất lâm nông kết hợp và quản lý bảo vệ rừng.



## **6. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường**

Việc thực hiện dự án sẽ ảnh hưởng nhất định đến môi trường xung quanh và khu vực lân cận, tác động trực tiếp đến quá trình sinh hoạt của các hộ dân sinh sống xung quanh, có thể dự báo được những nguồn tác động đến môi trường.

### *5.1. Xác định các nguồn gây ô nhiễm chủ yếu*

Trong quá trình hoạt động của dự án, các yếu tố bụi, khí thải, nước thải, chất rắn sinh hoạt, tiếng ồn và nhiệt độ phát sinh vào môi trường không khí bao gồm từ các nguồn sau:

- Bụi từ quá trình vận chuyển cây giống: Bụi vào phổi sẽ ảnh hưởng đến đường hô hấp. Bụi mịn sẽ gây tổn thương mắt và mũi khi tiếp xúc liên tục, kích thích viêm nhiễm niêm mạc mũi, họng, gây kích thích hóa học và sinh học như dị ứng, nhiễm khuẩn. Tuy nhiên, do công việc chủ yếu là vận chuyển cây giống và trồng cây nên nguồn phát sinh bụi không tác động lớn đến môi trường xung quanh. Đồng thời, giai đoạn dự án đi vào ổn định, dự án phát triển vườn ươm tại chỗ đảm bảo hạn chế tối đa quá trình vận chuyển.

- Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông vận tải: Khi dự án bắt đầu triển khai và đi vào hoạt động, để đảm bảo cho việc đi lại của những người chăm sóc, trồng cây và lưu thông sản phẩm được thuận lợi, sẽ có nhiều các phương tiện giao thông hoạt động, ra vào khu vực trồng cây để vận chuyển cây giống và trồng cây. Khi hoạt động như vậy, các phương tiện vận tải với nhiên liệu tiêu thụ chủ yếu là xăng và dầu DO sẽ thải vào môi trường một lượng khí thải chứa các chất ô nhiễm không khí như  $\text{NO}_2$ , CO,  $\text{CO}_2$ ,  $\text{C}_x\text{H}_y$ ... Từ số lượng xe hoạt động hàng ngày và thành phần khí thải của xe khi hoạt động, có thể ước tính được một cách tương đối tải lượng các chất ô nhiễm không khí thải vào môi trường từ hoạt động giao thông vận tải. Tuy nhiên, bụi và khí thải được phát sinh từ giao thông vận tải này không thường xuyên, chỉ mang tính gián đoạn và không liên tục.

- Tiếng ồn và rung động từ quá trình hoạt động: Tiếng ồn và rung động là những tác nhân gây ô nhiễm khá quan trọng và có thể gây ra những ảnh hưởng xấu đến môi trường, trước tiên là sức khỏe công nhân, lao động trực tiếp làm việc tại dự án. Tiếng ồn và rung động được phát sinh từ các nguồn sau:

- Tiếng ồn và rung động do các phương tiện giao thông vận tải, máy bơm, máy phát điện, máy bón phân, máy cắt,... Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau như: xe vận tải, xe mô tô... Tuy nhiên, do tiếng ồn chỉ mang tính



gián đoạn và tiếng ồn không vượt mức cho phép. Tiếng ồn và rung động còn phát sinh từ quá trình va chạm hoặc chấn động, chuyển động qua lại, do sự ma sát của các thiết bị và hiện tượng chảy rối của các dòng không khí, hơi. Tiếng ồn và rung động phát ra từ các máy phát điện dự phòng, quạt gió, máy bón phân, kéo cắt,... Tuy nhiên, tiếng ồn này ít và không vượt mức cho phép.

- Nước thải: Trong quá trình hoạt động của dự án, nước thải phát sinh vào môi trường bao gồm các nguồn sau: Nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước chữa cháy, tưới cây, nước thải từ máy điều hòa nhiệt độ, nước vệ sinh, ....

Nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn, rác thải, bụi... trên bề mặt đất. Khi nước mưa chứa chất ô nhiễm thấm vào đất sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đất, hoặc khi nước mưa đổ vào lưu vực sông, kênh rạch gần đó sẽ có khả năng gây ô nhiễm môi trường nước mặt...

Nước thải sinh hoạt là loại nước thải ra sau khi sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt, ăn uống, tắm rửa, vệ sinh... của công nhân, lao động làm việc tại dự án. Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất ô nhiễm vô cơ, hữu cơ và vi sinh gây bệnh, nước thải sinh hoạt không được thu gom và xử lý sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Do tính chất và thành phần chất ô nhiễm trong nước thải loại này không đáng lo ngại nên toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được thu gom và dẫn thoát vào hệ thống thoát nước mưa của dự án, sau đó thoát thẳng vào môi trường tiếp nhận.

## *5.2. Giải pháp khắc phục*

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại dự án được dẫn về bể tự hoại.

- Bố trí đường thoát nước mưa hợp lý tránh đi qua các bãi chứa nguyên vật liệu, hạn chế ô nhiễm và tránh đất bị úng nước. Ảnh hưởng đến cây trồng.

- Khí thải từ các phương tiện giao thông: Đây là các nguồn thải động nên rất khó quản lý. Chỉ có thể giảm bớt các tác động bằng cách bố trí hợp lý đường vận chuyển và đi lại, hạn chế di chuyển nhiều lần ngang qua khu vực dân cư. Điều chỉnh lưu lượng xe cộ ra vào hợp lý, tránh hiện tượng tập trung mật độ các phương tiện ra vào quá cao trong một thời điểm. Tiếng ồn, rung từ các phương tiện giao thông rất khó quản lý nguồn gây ô nhiễm này. Giảm thiểu tác động đến người dân bằng cách cấm vận chuyển và thi công các công việc có mức ồn cao vào ban đêm (vận chuyển cây giống vào ban đêm...) và giảm tốc độ khi đi qua khu vực dân cư. Lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao như



máy phát điện, hệ thống nén khí. Để giảm ồn còn cần phải tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện vận tải, các máy móc thiết bị kỹ thuật như máy bơm, máy phát điện, máy bón phân, máy cắt,...

- Đối với rác sinh hoạt: Đặt các thùng rác nhằm thu gom và tập kết tại một địa điểm cố định. Lượng chất thải này sẽ được thu gom hằng ngày.

- Các chất thải rắn xây dựng, các vật liệu phế bỏ được thu gom thường xuyên và vận chuyển ra khỏi khu vực, tập trung vào các khu xử lý chất thải rắn chung của huyện.

- Y tế, vệ sinh và vệ sinh môi trường: tất cả quy trình từ trồng trọt, thu hái, chế biến, đóng gói phải tuân theo các quy định quốc gia về an toàn, vận chuyển vật liệu và vệ sinh môi trường.

*\* Phương án tổ chức thực hiện*

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Đảm bảo các hoạt động dân sinh bình thường trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng cũng như giai đoạn trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp; xử lý kịp thời các sự cố môi trường xảy ra; thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và các loại chất thải khác đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường hiện hành.

- Xây dựng phương án và tổ chức giám sát chặt chẽ việc chặt hạ cây trong khu vực Dự án được cấp thẩm quyền giao đất; có biện pháp phối hợp với kiểm lâm và chính quyền địa phương trong việc quản lý đội ngũ công nhân nhằm ngăn chặn các hành vi phá rừng, săn bắt động vật hoang dã trong và xung quanh khu vực thực hiện Dự án và các vùng phụ cận giáp với vùng thực hiện Dự án.

- Tuyệt đối không sử dụng các phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật nằm trong danh mục cấm theo quy định.

Dự án đầu tư đi vào hoạt động sẽ mang lại giá trị rất to lớn về môi trường như: hạn chế tình trạng thiên tai, lũ lụt, chống xói mòn, khắc phục hạn hán, điều hòa nguồn nước, tạo oxy, điều hòa không khí, bảo vệ sức khỏe của con người,... Bên cạnh đó dự án còn khoanh nuôi bảo vệ rừng, làm giàu rừng vì vậy không phải đánh giá tác động môi trường.

### **III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

Dự án đầu tư Trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp tại xã Ea Bung, huyện Ea Súp của Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn được đầu tư xây dựng tại địa bàn huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn quy định, do vậy dự án trên được hưởng các ưu đãi đầu tư như sau:



### **1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm quy định tại Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.

### **2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:**

Miễn thuế nhập khẩu máy móc thiết bị và con giống theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.

### **3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.**

Miễn tiền thuê đất thực hiện dự án theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Đắk Lắk, ngày 8. tháng 10 năm 2021



Nhà đầu tư

CHỦ TỊCH HĐQT KÈM TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Minh Chiêu*



**Số: 10/CK-HĐQT**

*Ea H'Leo ngày... .. tháng... .. năm 2021*

## **CAM KẾT HỖ TRỢ VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**Kính gửi: CÔNG TY TNHH THÀNH HỮU NGHỊ SÀI GÒN**

**Địa Chỉ:** 66 Phạm Văn Đồng – TT Ea Đăng – Huyện Ea H'Leo – Tỉnh Đắk Lắk

- Căn cứ hồ sơ đề nghị cam kết hỗ trợ vốn thực hiện dự án tại khoảnh 4, 4a, 5, 5a, 6, 6a, 7a, 8 tiểu khu 235 xã Ea Bung, Huyện Ea Súp, Tỉnh Đắk Lắk của Công Ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn.
- Căn cứ tình hình hoạt động của các bên.

Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Vạn Lợi Sài Gòn xin thông báo tới quý công ty về nội dung cam kết như sau:

1. Công ty chúng tôi đồng ý về nguyên tắc sẽ thu xếp nguồn vốn tài trợ cho Quý công ty với số tiền là: **140.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: **Một trăm bốn mươi tỷ đồng**) nhằm mục đích thực hiện dự án **“Trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp chăn nuôi”** tại địa điểm: khoảnh 4, 4a, 5, 5a, 6, 6a, 7a, 8 tiểu khu 235 xã Ea Bung, Huyện Ea Súp, Tỉnh Đắk Lắk.
2. Tại thời điểm cung cấp hỗ trợ vốn. Quý công ty phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hỗ trợ vốn theo đúng quy định của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư Vạn Lợi Sài Gòn, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư Vạn Lợi Sài Gòn cam kết hỗ trợ vốn đầu tư để Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn thực hiện dự án **“Trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp”**
3. Cam kết hỗ trợ vốn thực hiện dự án này không phải là thông báo hỗ trợ cho vay, không có giá trị đòi tiền và không có giá trị chuyển nhượng.
4. Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Vạn Lợi Sài Gòn không chịu trách nhiệm trong trường hợp Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn sử dụng công văn này vào mục đích trái pháp luật.

Trân trọng kính chào!

**CHỦ TỊCH HĐQT**

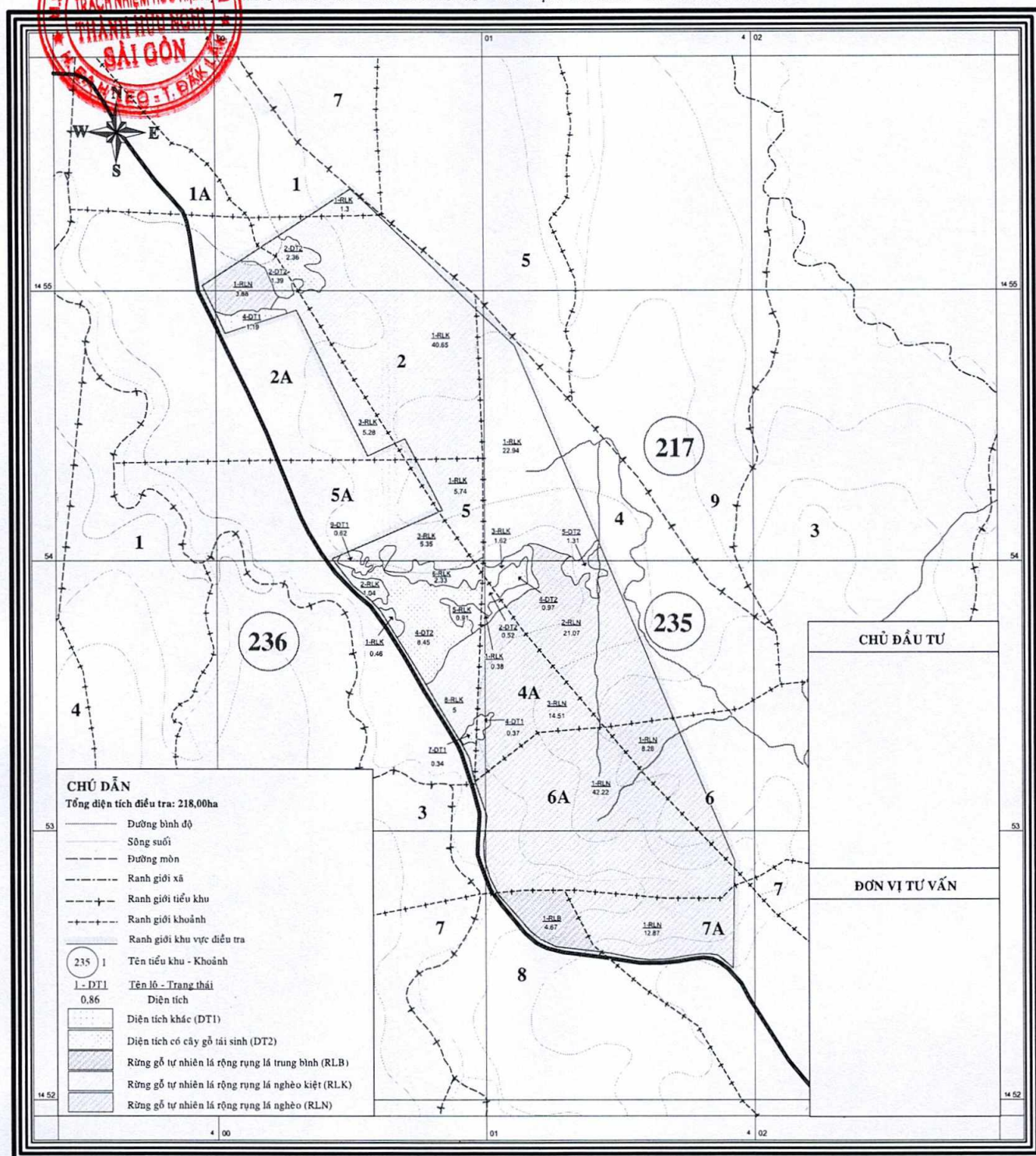


**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Trương Trung Hiếu*





**BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP**  
**TRÊN DIỆN TÍCH LẬP DỰ ÁN LÂM NÔNG KẾT HỢP CỦA CÔNG TY TNHH THÀNH HỮU NGHỊ SÀI GÒN**  
**TẠI TIỂU KHU 235 - XÃ EA BUNG - HUYỆN EA SÚP - TỈNH ĐẮK LẮK**



Tư liệu biên tập bản đồ:

- Bản đồ kiểm kê rừng xã Ea Bung
- Số liệu điều tra thực địa



**UBND TỈNH ĐẮK LẮK  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

Số: 3053 /SNN-CCKL

V/v gửi kết quả phúc tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp khu vực dự kiến thực hiện dự án lâm nông kết hợp của Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 1551/UBND-TH ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk “V/v khảo sát, lập hồ sơ đề xuất thực hiện các dự án lâm nông kết hợp trên địa bàn tỉnh”; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi kết quả như sau:

Ngày 12/4/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các Sở ngành, UBND huyện Ea Súp, Hạt Kiểm lâm Ea Súp và UBND xã Ea Bung tiến hành phúc tra thực tế tại hiện trường kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp các khoảnh 4, 4a, 5, 5a, 6, 6a, 7a, 8 tiểu khu 235 xã Ea Bung huyện Ea Súp quản lý, khu vực đề xuất thực hiện dự án lâm nông kết hợp của Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn do Công ty CP Xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk thực hiện (có Biên bản phúc tra ngày 12/4/2021; báo cáo kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp kèm theo):

- Địa điểm: khoảnh 4, 4a, 5, 5a, 6, 6a, 7a, 8 tiểu khu 235 xã Ea Bung quản lý.
- Tổng diện tích điều tra: 202,69 ha.
- Hiện trạng rừng và đất đai được tổng hợp tại biểu dưới đây:

Số TT	Loại đất, loại rừng	Ký hiệu	Kết quả điều tra năm 2021 (ha)	Diện tích 2020 (ha)	Chênh lệch (ha)
	<b>Tổng diện tích điều tra</b>		<b>202,69</b>	<b>202,69</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>Đất có rừng</b>		<b>190,07</b>	<b>186,03</b>	<b>4,04</b>
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá trung bình	rlb	4,67	3,07	1,60
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo kiệt	rlk	57,33	120,34	(63,01)
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo	rln	128,07	62,62	65,45
<b>II</b>	<b>Đất chưa có rừng</b>		<b>12,62</b>	<b>16,66</b>	<b>(4,04)</b>
-	Diện tích khác	dt1	1,33	16,66	(15,33)
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh	dt2	11,29		11,29

Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp và gửi kèm theo hồ sơ kết quả phúc tra hiện trạng rừng (gửi qua hệ thống Idesk), đề Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn



Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 1551/UBND-TH ngày 24/02/2021./. *thực*

**Nơi nhận:** *thực*

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- UBND huyện Ea Súp;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở phụ trách (để c/d);
- Chi cục Kiểm lâm;
- Cty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn;
- UBND xã Ea Bung;
- Lưu: VT; (Hiện 07 b).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Xuân Dũng**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1551** /UBND-TH

Đắk Lắk, ngày **24** tháng 02 năm 2021

V/v khảo sát, lập hồ sơ đề xuất  
thực hiện các dự án lâm nông kết  
hợp trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND huyện Ea Súp;
- Công ty TNHH Thành Hữu Nghị Sài Gòn;
- Công ty TNHH Đại Đức Thành Tây Nguyên.

Thực hiện ý kiến Thông báo số 307-TB/TU ngày 09/02/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc khảo sát, lập hồ sơ đề xuất thực hiện các dự án lâm nông kết hợp trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn các nhà đầu tư điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp; tổ chức phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp của nhà đầu tư thực hiện; gửi kết quả phúc tra về Sở Kế hoạch và Đầu tư để có cơ sở hướng dẫn nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án và tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

3. UBND huyện Ea Súp chủ động phối hợp với các sở, ngành và các doanh nghiệp trong việc tổ chức khảo sát vị trí đề xuất thực hiện dự án.

4. Trong thực hiện lưu ý làm việc với nhà đầu tư về việc giao đất thực hiện dự án lâm nông kết hợp kèm theo diện tích rừng sinh khối; thống nhất cam kết trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; xử lý trách nhiệm nhà đầu tư nếu để mất rừng hoặc để người dân lấn chiếm đất rừng; nếu không thực hiện cam kết hoặc chậm triển khai tỉnh sẽ thu hồi dự án theo quy định...

Nhận được Công văn này, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các Nhà đầu tư triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng: NN&MT, CN;
- Lưu: VT, TH (ĐUC-9b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

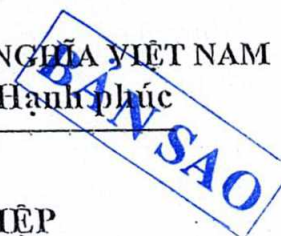


**Nguyễn Tuấn Hà**



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH ĐẮK LẮK  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 6001708004**

**Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 12 năm 2020**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THÀNH HỮU NGHỊ SÀI GÒN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Số 66 Phạm Văn Đồng, Thị trấn Ea Drăng, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại: 0907794977

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ** 68.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tám tỷ đồng

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MINH CHIÊU	Ấp Đức Ngãi 1, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam	47.600.000.000	70,000	300888441	
2	NGUYỄN THANH XÀ	Ấp Tân Hội, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam	20.400.000.000	30,000	300821445	

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**



\* Họ và tên: NGUYỄN MINH CHIÊU

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 12/12/1971 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 300888441

Ngày cấp: 07/07/2017 Nơi cấp: Công an tỉnh Long An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đức Ngãi 1, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Đức Ngãi 1, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Văn Thuận

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số chứng thực.....197.....quyển số.....1.....SCT/BS

~~27-09-2021~~  
CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Ngọc Minh



CÔNG TY TNHH THÀNH HỮU NGHỊ SÀI GÒN

Mẫu số: F01-DNN

66 Phạm Văn Đồng - TT Ea Drăng - Huyện Ea  
H'leo - Tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày 30 Tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.08	125,810,931,902	112,325,815,649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		125,810,931,902	112,325,815,649
4. Giá vốn hàng bán	11		114,127,428,055	104,606,387,586
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11,683,503,847	7,719,428,063
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22		2,324,856,400	2,041,717,238
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,324,856,400	2,041,717,238
9. Chi phí quản lý kinh doanh	24		4,348,647,500	2,179,168,506
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		5,009,999,947	3,498,542,319
11. Thu nhập khác	31		-	506,546,571
12. Chi phí khác	32		-	4,200,000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	502,346,571
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5,009,999,947	4,000,888,890
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	28	1,001,999,989	800,177,778
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	28	4,007,999,958	3,200,711,112

Người lập

*[Signature]*

Ea H'leo, ngày 30 tháng 9 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐQT kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH CHIÊU



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>18,857,760,585</b>	<b>569,204,587</b>
<b>II. Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>1,349,397,503</b>	<b>185,070,903</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		600,054,615	77,782,015
2. Trả trước cho người bán	132		749,342,888	107,288,888
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134			
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>57,767,669,793</b>	<b>37,241,130,931</b>
1. Hàng tồn kho	141		57,767,669,793	37,241,130,931
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142			
<b>V. Tài sản cố định</b>	<b>150</b>	<b>V.05</b>	<b>1,237,756,458</b>	<b>1,529,431,629</b>
- Nguyên giá	151		4,185,557,421	4,021,612,592
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		(2,947,800,963)	(2,492,180,963)
<b>VI. Bất động sản đầu tư</b>	<b>160</b>	<b>V.06</b>		
- Nguyên giá	161			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162			
<b>VII. XDCB dở dang</b>	<b>170</b>	<b>V.07</b>		
<b>VIII. Tài sản khác</b>	<b>180</b>	<b>V.08</b>	<b>2,383,517,671</b>	<b>300,387,400</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		2,383,517,671	136,442,571
2. Tài sản khác	182			163,944,829
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 160 + 170 + 180)</b>	<b>200</b>		<b>81,596,102,010</b>	<b>39,825,225,450</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>12,493,000,000</b>	<b>12,493,000,000</b>
1. Phải trả người bán	311	V.09.a		
2. Người mua trả tiền trước	312	V.09.b		
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10		
4. Phải trả người lao động	314			
5. Phải trả khác	315	V.09.c		
6. Vay và nợ thuê tài chính	316	V.11	12,493,000,000	12,493,000,000



7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8. Dự phòng phải trả	318	V.12		
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>V.13</b>	<b>69,103,102,010</b>	<b>27,332,225,450</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60,000,000,000	21,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		9,103,102,010	6,332,225,450
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500 = 300 + 400)</b>	<b>500</b>		<b>81,596,102,010</b>	<b>39,825,225,450</b>

Lập, Ngày 30 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

*Nguyễn Minh Chiêu*

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN MINH CHIÊU

CH  
HẠN  
IGH  
J  
ĐK



**BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**

Ngày 30 tháng 9 năm 2021

STK	Tên tài khoản	SỐ DƯ CUỐI NĂM TRƯỚC		PHÁT SINH TRONG NĂM		Cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	Tiền mặt	222,994,440		202,672,469,607	197,852,472,000	5,042,992,047	
112	Tiền gửi Ngân hàng	346,210,147		120,734,232,489	107,265,674,098	13,814,768,538	
131	Phải thu của khách hàng	77,782,015		65,758,691,100	65,236,418,500	600,054,615	
133	Thuế GTGT được khấu trừ	136,442,571		12,532,541,600	10,285,466,500	2,383,517,671	
142	Chi phí trả trước ngắn hạn	163,944,829			163,944,829	0	
153	Công cụ dụng cụ						
156	Hàng hóa	37,241,130,931		108,483,769,465	114,127,428,055	31,597,472,341	
211	Tài sản cố định	4,021,612,592		163,944,829		4,185,557,421	
214	Hao mòn TSCĐ		2,492,180,963		455,620,000		2,947,800,963
244	Ký quỹ, ký cược dài hạn						
331	Phải trả cho người bán	107,288,888		108,427,928,453	84,563,478,000	23,971,739,341	
333	Thuế và các khoản nộp ngân						
3334	Thuế TNDN			1,001,999,989	1,001,999,989		0
3338	Thuế môn bài			6,000,000	6,000,000		
341	Vay, nợ thuê tài chính		12,493,000,000				12,493,000,000
411	Nguồn vốn kinh doanh		21,000,000,000		34,815,075,639		55,815,075,639
421	Lợi nhuận chưa phân phối		6,332,225,450		4,007,999,958		10,340,225,408
511	Doanh thu bán hàng và cung			125,810,931,902	125,810,931,902		
632	Giá vốn hàng bán			114,127,428,055	114,127,428,055		
635	Chi phí tài chính			2,324,856,400	2,324,856,400		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			4,348,647,500	4,348,647,500		
911	Xác định kết quả kinh doanh			120,800,931,955	120,800,931,955		
	Cộng	42,317,406,413	42,317,406,413	987,194,373,344	987,194,373,344	81,596,101,974	81,596,101,974

NGƯỜI LẬP



CHỦ TỊCH HĐQT Kiểm TÔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH CHIÊU